

Số: 313 /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 29 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình;

Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc thành lập Chi cục An toàn thực phẩm tỉnh Ninh Bình trực thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 2076/QĐ-BYT ngày 08/7/2025 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 2309/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công thương về việc công bố thủ tục hành chính mới được ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 15/TTr-SYT ngày 21/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 20 thủ tục hành chính mới ban hành, 08 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, 07 thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Bãi bỏ tất cả các quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm đã được Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam ban hành trước đây.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Y tế có trách nhiệm thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh nghiêm yết công khai, hướng dẫn, tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cổng thông tin điện tử tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác đúng quy định.

3. Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định này theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTTH-CB, TTPVHCC.

TD_QĐCB/2025



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Nguyễn Anh Chúc

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ
TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
1	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (1.013838.H42)	03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/ sản phẩm	x	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010 - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ - Quyết định số 2076/QĐ_BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Y tế	x	
2	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS) (1.013847.H42)	03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x		x	
3	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi (1.013851.H42)	10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.100.000 đồng /lần/01 sản phẩm	x		x	
4	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế (1.013855.H42)	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đúng thủ tục)	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm (trừ cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe): + Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được	x			x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
				cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng /lần /cơ sở + Đối với cơ sở sản xuất khác được giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần /cơ sở - Thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: + Đối với cơ sở phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng/lần/cơ sở + Đối với cơ sở phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng/lần /cơ sở.				
5	Thủ tục Đăng ký bản công bố sản phẩm sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.500.000 đồng/lần/sản phẩm	x	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010 - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ - Quyết định số 2076/QĐ BYT	x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
	(1.013858.H42)					ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Y tế		
6	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi (1.013862.H42)	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.500.000 đồng/lần/sản phẩm	x	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010 - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ - Quyết định số 2076/QĐ_BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Y tế	x	
7	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (1.013857.H42)	45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm).	Trung tâm phục vụ hành chính công	28.500.000 đồng	x			x
8	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (1.013854.H42)	- 45 ngày nếu theo quy định tại phần 7 phụ lục 5, Nghị định 148/2025/NĐ-CP - 30 ngày nếu theo quy định tại phần 8 phụ lục 5, Nghị định 148/2025/NĐ-CP	Trung tâm phục vụ hành chính công	20.500.000 đồng	x		x	
9	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (1.013850.H42)	- 45 ngày nếu theo quy định tại phần 7 phụ lục 5, Nghị định 148/2025/NĐ-CP - 30 ngày nếu theo quy định tại phần 8	Trung tâm phục vụ hành chính công	28.500.000 đồng	x		x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
		phụ lục 5, Nghị định 148/2025/NĐ-CP						
10	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 (1.013844.H42)	30 (ba mươi) ngày làm việc (không bao gồm thời gian đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm trong trường hợp cần thiết).	Trung tâm phục vụ hành chính công	28.500.000 đồng	x	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010 - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ - Quyết định số 2076/QĐ_BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Y tế	x	
11	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	05 (năm) ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010 - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ - Quyết định số 2076/QĐ_BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Y tế	x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
	(1.013841.H42)							
12	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu (1.013829.H42)	05 (năm) ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng	x		x	
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện (2.001293.H42)	25 (hai lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng /lần/cơ sở - Thẩm định cơ sở sản xuất (trừ cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe): - Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ sở - Đối với cơ sở sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh): được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ	x		- Luật An toàn thực phẩm năm 2010 - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ - Quyết định số 2076/QĐ_BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Y tế	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
				sở: 2.500.000 đồng/lần /cơ sở				
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện (2.001278.H42)	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 25 (hai lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Không thu phí. - Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: + Thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở. + Thẩm định cơ sở sản xuất (trừ cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe): - Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:	x	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025; - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025.	x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
				500.000 đồng/lần/cơ sở - Đối với cơ sở sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh): được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ sở; 2.500.000 đồng/lần/cơ sở				
15	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm (1.003860.H42)	45 (bốn lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	28.500.000 đồng/lần/đơn vị	x	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025; - Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025.		x
16	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm (2.001595.H42)	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	20.500.000 đồng/lần/đơn vị	x			x
17	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm (1.003929.H42)	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	28.500.000 đồng/lần/đơn vị	x		x	
18	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (2.001682.H42)	45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	28.500.000 đồng/lần/đơn vị	x			x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
19	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (1.003951.H42)	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	20.500.000 đồng/lần/đơn vị	x	- Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025.		x
20	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (2.001660.H42)	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	28.500.000 đồng/lần/đơn vị	x			x

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
21	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (2.001827.H42)	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	700.000 đồng/cơ sở	x	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025; - Quyết định số 2309/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025.		x
22	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2.001730.H42)	03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Phí thẩm định và chứng nhận mẫu dịch tự do (FSC), giấy chứng nhận sản phẩm thuộc (CPP), các giấy chứng nhận	x	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025; - Quyết định số 2309/QĐ-	x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
				thuốc thú y để xuất khẩu: 80.000 đồng/01 loại thuốc. - Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận thức ăn chăn nuôi lưu hành tự do tại Việt Nam: 350.000 đồng/01 sản phẩm/lần.		BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025.		
23	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2.001726.H42)	03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025; - Quyết định số 2309/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025.	x	
24	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (1.003111.H42)	35 (ba lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	32.000.000 đồng/lần/phòng kiểm nghiệm	x			x
25	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 (1.003082.H42)	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	32.000.000 đồng/lần/phòng kiểm nghiệm	x			x
26	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (1.003058.H42)	35 (ba lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	22.500.000 đồng/lần/phòng kiểm nghiệm	x			x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
27	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước (2.001254.H42)	35 (ba lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	22.500.000 đồng/lần/phòng kiểm nghiệm	x	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025;		x
28	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm (1.002996.H42)	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Quyết định số 2309/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025.	x	

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	1.002425.H42	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất	Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025	Bãi bỏ Danh mục 04 TTHC được ban hành tại Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 17/06/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;
2	1.003348.H42	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025	Bãi bỏ 04 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt tại Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 13/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt chuẩn hóa Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
3	1.003332.H42	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025	Bãi bỏ 04 danh mục TTHC được ban hành tại Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế.
4	1.003108.H42	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt,	Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025	Bãi bỏ 04 Quy trình Nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt tại Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục

		sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi		hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế. Bãi bỏ 04 danh mục TTHC được ban hành tại Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Dược phẩm và thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế tỉnh Hà Nam.
5	2.001827.H42	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025	Bãi bỏ 01 TTHC, 01 quy trình nội bộ giải quyết TTHC được ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 03/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính và Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình. Bãi bỏ 01 TTHC được ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 07/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Nam. Bãi bỏ 01 TTHC được ban hành kèm theo Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và 01 quy trình nội bộ tại Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND tỉnh Nam Định về Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
6	2.000591.H42	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025	Bãi bỏ 02 TTHC được công bố tại Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và 02 quy trình nội bộ giải quyết TTHC tại Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.
7	2.000535.H42	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ	Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng	

		sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	6 năm 2025	Bãi bỏ 02 TTHC được công bố tại Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương và 02 quy trình nội bộ tại Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 17/5/2025 của UBND tỉnh Nam Định về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương. Bãi bỏ 02 TTHC được công bố tại Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND tỉnh Hà Nam về việc danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực xúc tiến thương mại và được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Hà Nam
--	--	---	------------	--